

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Tùng;
2. Bà Phạm Thị Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Lê V, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký tạm trú: Số 40, đường 3/2, tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; hiện làm việc tại: 3/330 D, Ấp N, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị V, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/4/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Lê V trình bày:*

Chị V và anh Lê Văn T kết hôn vào ngày 23/12/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng tôi đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị V trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh T và chị V đúng như chị V đã trình bày, nay chị V yêu cầu được ly hôn với anh T thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Luật cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020; Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Lê V được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị Lê V, anh Lê Văn T trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Lê V, anh Lê Văn T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Lê V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Văn T đăng ký tạm trú tại: Số 40, đường 3/2, tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi . Căn cứ Điều 11 Luật cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lê V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Nguyên đơn chị Trần Thị Lê V, bị đơn anh Lê Văn T cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Lê V và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh T đều thừa nhận cuộc sống chung của hai người có mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện nay hai người đã sống ly thân, điều đó chứng tỏ chị V và anh T đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị V yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị V, anh T trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11 Luật cư trú; khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Lê V và anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Lê V phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003004 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 26/8/2022, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy